

### DIỄN BIẾN BỘ CHỈ SỐ PVN-INDEX

Bloomberg : PVNI <GO>

www.pvnindex.vn

#### Chỉ số Đại diện

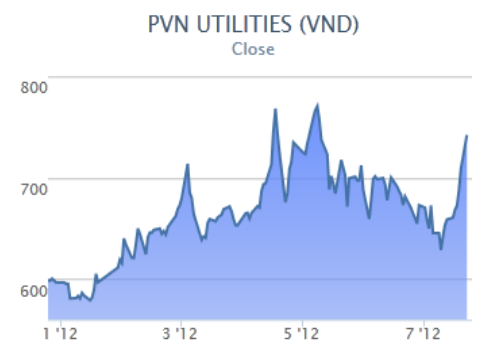
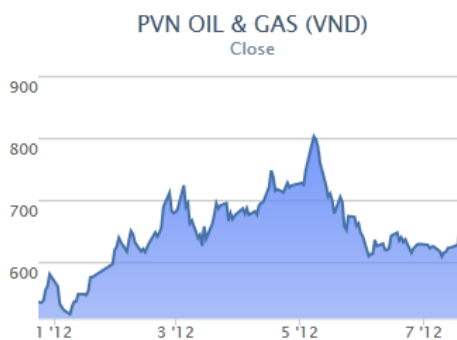
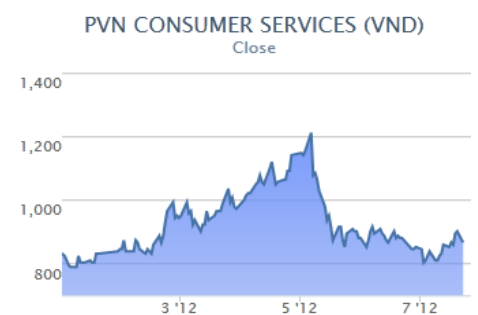


#### Chỉ số PVN 10



Chỉ số	Giá đóng cửa	Thay đổi	% Thay đổi
PVN 10	819.92	↓ -7.6	↓ -0.92
PVN ALL SHARE CONTINUOUS	694.68	↓ -3.54	↓ -0.51
PVN ALLSHARE	676.36	↓ -3.37	↓ -0.5
PVN ALLSHARE HNX	595.99	↓ -10.05	↓ -1.66
PVN ALLSHARE HSX	724.86	↓ -2.51	↓ -0.35
PVN Vật Liệu Cơ Bản	1078.26	↑ 34.78	↑ 3.33
PVN Dịch Vụ Tiêu Dùng	866.2	↓ 35.21	↓ -3.91
PVN Tài Chính	619.71	↓ 21.63	↓ -3.37
PVN Công Nghiệp	515.83	↓ 9.65	↓ -1.84
PVN Dầu Khí	641.59	↓ 4.18	↓ -0.65
PVN Dịch Vụ Tiện Ích	742.23	↑ 33.29	↑ 4.7

#### Chỉ số Ngành



## Giới thiệu Bộ chỉ số PVN-Index

Bộ Chỉ số PVN-Index bao gồm tất cả Công ty thành viên PVN được niêm yết trên Sàn chứng khoán Hồ Chí Minh (HSX), Sàn chứng khoán Hà Nội (HNX) và sàn UpCOM. Bộ chỉ số PVN-Index được xây dựng và vận hành bởi công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí (PSI), với sự tư vấn của các chuyên gia nước ngoài uy tín và tuân thủ đầy đủ theo các tiêu chuẩn và thông lệ quốc tế về bộ chỉ số chứng khoán.

Bộ chỉ số bao gồm Chỉ số Đại diện (Benchmark) nhằm đưa ra thước đo chuẩn xác nhất cho sự biến động của toàn bộ thị trường, Chỉ số Ngành đánh giá các ngành công nghiệp đặc trưng và Chỉ số Blue Chips giúp tạo ra các giỏ đầu tư và nhóm danh mục giao dịch một cách dễ dàng với chi phí thực hiện tối thiểu. Bộ chỉ số được tính toán theo cả Chỉ số Giá (Prices) và Chỉ số Lợi Nhuận (Total Return) (bao gồm cổ tức). Mỗi Chỉ số được tính bằng 4 loại tiền tệ: EUR, USD, JPY và VND. Dữ liệu lịch sử được tính lại từ ngày 31-12-2008. Bộ chỉ số PVN-INDEX hoàn chỉnh bao gồm 88 chỉ số.

CHỈ SỐ	TÊN CHỈ SỐ	LOẠI CHỈ SỐ	Chỉ số Giá				Chỉ số Lợi Nhuận			
			VND	EUR	USD	JPY	VND	EUR	USD	JPY
PVNAS	PVN ALL SAHRE	Đại diện	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNASC	PVN ALLSHARE CONTINUOUS	Đại diện	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNHSX	PVN ALLSHARE HSX	Đại diện	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNHX	PVN ALLSHARE HNX	Đại diện	1	1	1	1	1	1	1	1
PVN10	PVN 10	Đầu tư	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNBM	PVN Vật liệu Cơ bản	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNCS	PVN Dịch vụ Tiêu dùng	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNFI	PVN Tài chính	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNIN	PVN Công nghiệp	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNOG	PVN Dầu khí	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNUT	PVN Dịch vụ Tiện ích	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
	TỔNG	88	11	11	11	11	11	11	11	11

**Chỉ số Đại diện (4):** PVN All Share; PVN All Share Continuous; PVN All Share HSX; PVN All Share HNX.

**Chỉ số Đầu tư (PVN 10) (Chỉ số Bluechip):** được thiết lập tuân thủ tất cả các tiêu chuẩn quốc tế nhằm được sử dụng như công cụ cơ bản cho các sản phẩm phái sinh cũng như các sản phẩm có cấu trúc khác. Tỷ trọng giữa những cổ phiếu thuộc chỉ số Bluechip được tính theo vốn hoá chuyên nhượng được.

**Chỉ số Ngành (6):** Chỉ số Ngành cho phép so sánh các cổ phiếu trong ngành:

- PVN Vật Liệu Cơ Bản
- PVN Công Nghiệp
- PVN Dịch Vụ Tiêu Dùng
- PVN Dầu Khí
- PVN Tài Chính
- PVN Dịch Vụ Tiện Ích

### Chỉ số Giá (Price) và Chỉ số Lợi Nhuận (Total Return)

Chỉ số Giá (Price) là cơ sở cho các sản phẩm phái sinh, Chỉ số Lợi Nhuận (Total Return) thường được sử dụng cho các chỉ số quỹ. Cả hai được sử dụng cho những sản phẩm riêng biệt.

### Phiên bản chỉ số ngoại tệ

Bộ chỉ số PVN-INDEX tính bằng đơn vị tiền tệ VND và được quy đổi ra các ngoại tệ chính khác như USD, EUR và JPY phục vụ cho việc theo dõi và sử dụng của giới đầu tư nước ngoài.

### Phương pháp luận

**Ngày gốc** của tất cả chỉ số PVN-INDEX là ngày 31/12/2008

**Giá trị gốc** của tất cả chỉ số trong bộ chỉ số PVN-Index là 1000

### Tỷ lệ cổ phiếu tự do giao dịch

Sở hữu của một cổ đông vượt quá 5% tổng số cổ phiếu lưu hành sẽ không được coi là cổ phiếu có thể tròn đến 5%.

**Cổ tức** được tính trong các chỉ số lợi nhuận là cổ tức gộp.

### Tỷ trọng vốn hoá thị trường (Market Capitalisation Weight)

Tỷ trọng của các cổ phiếu thành viên chỉ số được tính dựa trên phần trăm giá trị vốn hoá của cổ phiếu trên tổng giá trị vốn hoá của chỉ số.

Đối với chỉ các chỉ số PVN Allshare và PVN Ngành, vốn hoá thị trường áp dụng là vốn hoá trên tổng số lượng cổ phiếu lưu hành (market capitalisation).

Đối với chỉ số PVN10: vốn hoá thị trường áp dụng là vốn hoá trên số lượng cổ phiếu tự do giao dịch (freefloat market capitalisation)

**Giới hạn tỷ trọng vốn hoá** 15% được áp dụng cho chỉ số PVN 10.

## NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

### HSX:

#### Tổng quan thị trường

	Giá trị	Thay đổi	± %
VN-Index	421.99 ↓	-2.48	-0.58%
KLGD (triệu ck)	49.20 ↓	-23.75	-32.56%
GTGD (tỷ đồng)	763.61 ↓	-295.27	-27.89%
Tổng cung (triệu ck)	53.63 ↓	-131.85	-71.09%
Tổng cầu (triệu ck)	64.04 ↓	-122.05	-65.59%
Giao dịch NN			
KL mua (triệu ck)	0.97 ↓	-2.72	-73.78%
KL bán (triệu ck)	1.00 ↓	-3.76	-78.94%
Giá trị mua (tỷ đồng)	18.97 ↓	-78.21	-80.48%
Giá trị bán (tỷ đồng)	28.54 ↓	-104.05	-78.47%

### Nhận định thị trường:

Trong một báo cáo vừa công bố, Ngân hàng ANZ nhận định, tăng trưởng kinh tế Việt Nam trong thời gian còn lại của năm sẽ tích cực hơn và lạm phát sẽ còn giảm. Tuy nhiên, ANZ cho rằng, những đợt cắt giảm lãi suất triệt để trong quý 2 đã không thể đưa đến mức tăng trưởng tín dụng mạnh mẽ do nợ xấu đã kìm hãm khả năng cho vay của các ngân hàng. Về triển vọng thị trường chứng khoán Việt Nam thời gian tới, ANZ tỏ ra khá thận trọng. Báo cáo nêu rõ, trong quý 2 vừa qua, lượng vốn ròng mà khối ngoại rút khỏi thị trường chứng khoán Việt Nam là 61,2 triệu USD, so với mức đầu tư ròng 34,5 triệu USD trong quý 1.

Ngày 23/7/2012, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) đã có văn bản số 4474/NHNN-TD yêu cầu các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài báo cáo các chương trình, sản phẩm tín dụng.

Một số ngân hàng đã công bố báo cáo tài chính và tổng kết 6 tháng đầu năm của công ty mẹ. Một số ngân hàng lớn có mức lợi nhuận sụt giảm so với cùng kỳ năm ngoái, bên cạnh đó nợ xấu có chiều hướng gia tăng khá mạnh. Lãi sau thuế của Vietinbank chỉ đạt hơn 1.959 tỷ đồng - giảm tới gần 30% so với cùng kỳ năm ngoái, tăng trưởng tín dụng -3,1%, nợ xấu chiếm 2,45% tổng dư nợ; Vietcombank sau 6 tháng đầu năm đạt 2.155 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế - giảm 6% so với cùng kỳ năm ngoái, tỷ lệ nợ xấu của VCB khá cao khi tới 3,47% trong đó nợ nhóm 5 (có khả năng mất vốn) vẫn tăng gần 1.400 tỷ, tổng nợ nhóm 5 chiếm hơn 4000 tỷ. Hiện vốn hóa của VCB chiếm gần 10% vốn hóa sàn HSX. Biến động giá cổ phiếu của nhóm cổ phiếu ngân hàng nhìn chung có thể tác động khá nhiều tới chỉ số thị trường.

*Phiên điều chỉnh thứ hai liên tiếp chưa làm mất đi hoàn toàn các yếu tố tích cực trước đó, nhưng cũng cho thấy rằng dòng tiền tham gia thị trường chưa thực sự tăng một cách ổn định. Trong ngắn hạn, VN-index có thể dao động trong khoảng 400 – 430 điểm, còn HNX-index khi chưa vượt thành công ngưỡng kháng cự 72 điểm thì trạng thái dao động sẽ còn tiếp diễn. Khoảng dao động của HNX-index trong ngắn hạn là 70 – 72, tuy nhiên xu hướng ngắn hạn của chỉ số này có thể sẽ diễn biến xấu đi nếu giảm xuống dưới mức 70 điểm trong những phiên sắp tới.*

Công Ty CPCI Dầu khí  
18 Lý Thường Kiệt, Hà Nội  
ĐT: (84-4) 39343888  
Fax: 393439999

## HNX:

## Nhận định thị trường:

## Tổng quan thị trường

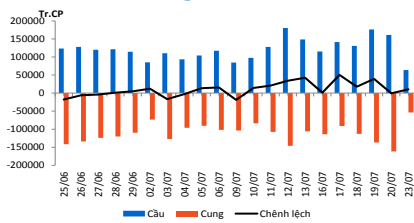
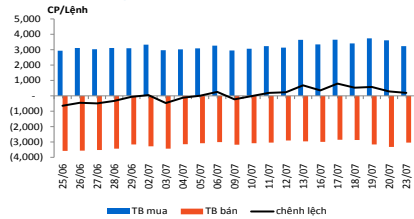
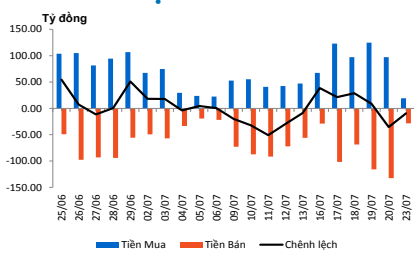
	Giá trị	Thay đổi	± %
HNX-Index	71.34 ↓	-1.20	-1.65%
KLGD (triệu ck)	43.56 ↓	-20.33	-31.82%
GTGD (tỷ đồng)	509.11 ↓	-97.42	-16.06%
Tổng cung (triệu ck)	67.23 ↓	-34.63	-34.00%
Tổng cầu (triệu ck)	57.43 ↓	-24.15	-29.60%
<b>Giao dịch NN</b>			
KL mua (triệu ck)	0.85 ↓	-1.29	-60.35%
KL bán (triệu ck)	0.75 ↓	-0.41	-35.62%
Giá trị mua (tỷ đồng)	8.63 ↓	-16.09	-65.09%
Giá trị bán (tỷ đồng)	9.33 ↓	-3.57	-27.70%



Đồ thị HNX-Index.

**Tổng quan kỹ thuật chỉ số HNX-index: vượt ngưỡng 72 điểm chưa thành công, thanh khoản chưa ổn định khi vẫn có phiên giảm xuống mức dưới 40 triệu đơn vị/phiên, HNX-Index có khả năng tiếp tục dao động trong vùng 70 – 72 điểm. Nếu chỉ số xuống dưới 70 điểm, trạng thái dao động trong khung 66 – 72 điểm sẽ được thiết lập. Ngược lại, việc vượt 72 điểm với thanh khoản tăng trở lại sẽ là tín hiệu tích cực cho HNX-Index.**

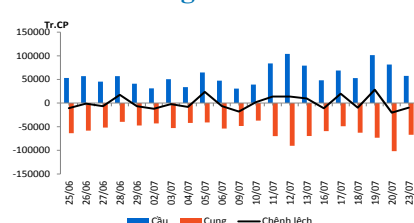
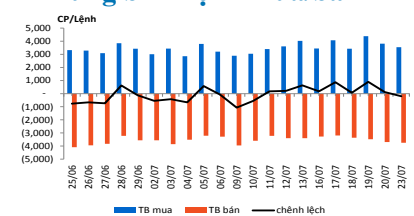
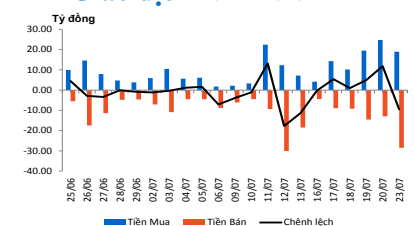
- Sau một loạt tín hiệu kỹ thuật tích cực trong phiên cuối tuần trước, phiên hôm nay HNX-Index lại giảm tương đối mạnh và đặc biệt là KLGĐ khớp lệnh tụt xuống chỉ hơn 33 triệu đơn vị. Mức độ giảm này chưa hoàn toàn phá vỡ trạng thái tích cực trước đó, nhưng nếu tiếp tục kéo dài có thể sẽ thay đổi trạng thái, xu thế của HNX-index.
- Nếu HNX-Index dao động tích lũy trong vùng 70 – 72 điểm trước khi vượt qua ngưỡng 72 điểm, điều kiện cần của trạng thái này là KLGĐ khớp lệnh phải đảm bảo quanh mức 40 triệu đơn vị mỗi phiên trở lên. Với kịch bản này, HNX-index có khả năng tiếp tục dao động nhưng theo hướng tăng dần.
- Nếu HNX-Index tiếp tục giảm trở lại trong những phiên sắp tới và xuống dưới 70 điểm, kèm theo yếu tố thanh khoản chỉ đạt dưới mức 40 triệu cp/phiên thì khả năng cao là thị trường sẽ thiết lập trạng thái dao động với khung 66 – 72 điểm.

**HSX:****Cung cầu****Trung bình lệnh mua/bán****Giao dịch NĐTNN****Diễn biến thị trường sàn Hồ Chí Minh**

Thị trường tiếp tục xu hướng điều chỉnh nhẹ trong phiên mở cửa đầu tuần mới. Kết thúc 15 phút khớp lệnh, VN-Index giảm nhẹ 1.16 điểm, ứng với 0.27% xuống 423.31 điểm. Giao dịch đạt khoảng 1.7 triệu đơn vị, tương đương 26.7 tỷ đồng. Trên sàn có 31 mã tăng, 80 mã giảm và 43 mã giao dịch ở mức tham chiếu.

Kết thúc phiên giao dịch buổi sáng, nhờ đà tăng của một vài trụ cột như BVH, MSN, DPM và một vài mã nhỏ hơn như STB, HPG, CII, KDH... nên đà giảm của VN-Index được kiềm hãm dù thị trường có đến 154 mã giảm giá, trong đó không ít mã giảm sàn, có cả PVF. Theo đó, VN-Index tạm thời giảm 0.31 điểm, ứng với 0.07% xuống 424.16 điểm. Giao dịch thận trọng nên thanh khoản chỉ đạt 33 triệu đơn vị, trị giá 532.32 tỷ đồng.

Kết thúc phiên, chỉ số giảm 2.48 điểm, tức 0.58% chốt tại 421.99 điểm. Thanh khoản lại giảm đáng kể so với phiên cuối tuần, còn khoảng 51 triệu đơn vị, tương ứng 785 tỷ đồng. Số lượng chứng khoán giảm giá tiếp tục áp đảo với gần 170 mã

**HNX:****Cung cầu****Trung bình lệnh mua/bán****Giao dịch NĐTNN****Diễn biến thị trường Hà Nội:**

Mở đầu phiên, sàn HNX cũng có dấu hiệu tích cực cùng với HOSE. Sau khi giảm nhẹ đầu phiên, HNX-index cũng bật xanh khoảng 0.06 điểm khi các mã bluechips như KLS, VND, SCR, PVX, VCG... lần lượt chuyển biến từ đỏ sang xanh. Thị trường lúc 9h25 có khoảng 50 mã tăng giá, 36 mã giảm và 310 mã vẫn còn đứng yên. Tuy nhiên thanh khoản đã vọt lên 5 triệu đơn vị, trị giá hơn 48 tỷ đồng. Suốt phiên buổi sáng, sàn HNX giao dịch ảm đạm với 26 triệu đơn vị chuyển nhượng, trị giá 270 tỷ đồng. Trên sàn có đến 144 mã giảm, chỉ có 54 mã tăng và khoảng 200 mã vẫn còn đứng yên. Cổ phiếu bluechips tiếp tục phân hóa. Đến cuối buổi, HNX-Index tạm thời mất 0.38 điểm, ứng với 0.53% xuống 71.81 điểm.

Kết thúc phiên sáng, Sàn HNX nhờ lực đỡ khá mạnh từ các mã trụ cột như PVX, KLS, VND, SCR, APS, PVS, BVS, VCG... thị trường đảo chiều tăng trở lại những phút cuối buổi. Với mức tăng 0.27 điểm, tương ứng 0.38%, HNX-Index chinh phục trở lại mốc 71 điểm. Tuy nhiên, giao dịch còn thận trọng với 29 triệu đơn vị, tương đương 263.52 tỷ đồng.

Cuối phiên, HNX-Index cũng lùi về 71.46 điểm, tức mất hơn 1% so với tham chiếu. Thanh khoản vẫn đạt mức khá, nhưng giảm đáng kể so với phiên trước, đạt 43.56 triệu đơn vị, ứng với 509 tỷ đồng.

## Diễn biến của cổ phiếu các công ty thuộc PVN

Phiên giao dịch hôm nay, trong 28 cổ phiếu niêm yết trên HOSE và HNX có 3 cổ phiếu tăng giá, 2 cổ phiếu đứng giá và 23 mã giảm giá. Cổ phiếu giảm giá nhiều nhất là PFL (giảm 5,88%). Trung bình, các cổ phiếu thuộc nhóm này giảm 1,64% và tổng khối lượng giao dịch đạt 11,058 triệu đơn vị.

Dưới đây là diễn biến của các mã cổ phiếu thuộc tập đoàn PVN phiên ngày 23/07:

STT	Mã	Tên công ty	Giá đóng cửa (VNĐ)	KLGD (cp)	Tăng/Giảm (%)	P/B *	P/E trailing*	Nơi giao dịch
1	PCG	CTCP Đầu tư và Phát triển Gas Đô thị	5,600.0	300	↑ 3.70	0.49	15.14	HNX
2	PCT	CTCP Vận tải Dầu khí Cửu Long	3,400.0	31,700	↓ -5.56	0.33	30.91	HNX
3	PFL	Công ty cổ phần Dầu khí Đông Đô	4,800.0	329,900	↓ -5.88	0.28	0.47	HNX
4	PGS	CTCP Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam	21,500.0	597,100	↓ -1.83	1.76	1.43	HNX
5	PPS	CTCP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	9,800.0	17,200	↓ -2.00	0.91	6.20	HNX
6	PPE	CTCP Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam	4,900.0	-	→ 0.00	0.45	2.71	HNX
7	PSI	CTCP Chứng Khoán Dầu khí	5,100.0	184,100	↓ -1.92	0.50	N/A	HNX
8	PVC	Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí-CTCP	15,200.0	166,900	↓ -1.94	0.91	2.27	HNX
9	PVE	Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí-CTCP	11,100.0	35,600	↓ -1.77	1.94	5.07	HNX
10	PVG	CTCP Kinh doanh khí hóa lỏng Miền Bắc	11,200.0	297,600	↓ -2.61	0.72	8.06	HNX
11	PVI	Công ty Cổ phần PVI	16,800.0	7,400	↓ -0.59	0.72	8.48	HNX
12	PVR	CTCP Kinh doanh Dịch vụ cao cấp Dầu khí Việt Nam	5,600.0	9,200	→ 0.00	0.54	2.63	HNX
13	PVS	Tổng CTCP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	15,600.0	700,600	↓ -1.89	1.32	4.17	HNX
14	PVX	Tổng CTCP Xây lắp Dầu khí Việt Nam	9,500.0	2,886,264	↓ -1.04	0.42	3.57	HNX
15	GAS	Tổng công ty Khí Việt Nam - CTCP	39,400.0	86,750	↓ -0.51	3.18	12.63	HSX
16	DPM	Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí-CTCP	37,100.0	661,270	↑ 3.06	2.22	5.99	HSX
17	CNG	Công ty cổ phần CNG Việt Nam	26,700.0	14,390	↓ -0.74	1.23	3.25	HSX
18	GSP	CTCP Vận tải Sản phẩm khí quốc tế	7,300.0	20,030	↓ -1.35	0.63	5.33	HSX
19	PET	Tổng CTCP Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí	12,300.0	279,100	↓ -3.91	0.70	3.03	HSX
20	PGD	CTCP Phân phối khí thấp áp Dầu khí Việt Nam	37,400.0	210,640	↑ 4.76	1.83	5.28	HSX
21	PTL	CTCP Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí	4,600.0	831,980	↓ -4.17	0.45	3.57	HSX
22	PVD	Tổng CTCP khoan và dịch vụ khoan Dầu khí	35,000.0	136,540	↓ -0.57	1.18	6.88	HSX
23	PVF	Tổng Công ty Tài Chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	12,500.0	2,298,030	↓ -4.58	1.10	15.82	HSX
24	PVT	Tổng CTCP vận tải Dầu khí	5,200.0	1,019,190	↓ -3.70	0.53	47.27	HSX
25	PXI	CTCP Xây dựng công nghiệp & dân dụng dầu khí	6,600.0	89,510	↓ -1.49	0.63	4.40	HSX
26	PXM	CTCP Xây lắp Dầu khí Miền Trung	5,700.0	33,420	↓ -1.72	0.52	2.97	HSX
27	PXS	CTCP Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	10,900.0	79,020	↓ -2.68	0.82	3.27	HSX
28	PXT	CTCP Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	5,800.0	35,050	↓ -4.92	0.53	3.82	HSX
29	NT2	CTCP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	4,300.0	7,000	→ 0.00	0.39	4.61	UPCOM
30	POV	CTCP Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng	7,700.0	-	→ 0.00	0.72	0.00	UPCOM
31	PSP	CTCP Cảng dịch vụ Dầu khí Đình Vũ	4,500.0	7,200	↑ 2.27	0.46	13.58	UPCOM
32	PSB	CTCP Đầu tư Dầu khí Sao Mai -Bến Đình	4,400.0	6,400	↑ 10.00	0.39	3.95	UPCOM
32	PTT	CTCP Vận tải Dầu khí Đông Dương	3,800.0	-	→ 0.00	0.34	N/A	UPCOM

## THỐNG KÊ GIAO DỊCH

## HSX

## 5 cổ phiếu giao dịch nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	± %	Giá trị giao dịch (1 triệu VNĐ)
SAM	8,500	8,600	1.18	41,400,000
PVF	13,100	12,500	-4.58	28,940,000
SSI	21,600	21,100	-2.31	28,774,000
STB	22,400	22,600	0.89	26,649,000
DPM	36,000	37,100	3.06	24,700,000

## HNX

## 5 cổ phiếu giao dịch nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	± %	Giá trị giao dịch (1 triệu VNĐ)
SQC	80,000	75,000	-6.25	84,008
VND	11,300	11,200	-0.88	50,519
KLS	10,500	10,500	0.00	43,035
SCR	11,100	11,000	-0.90	32,272
PVX	9,600	9,500	-1.04	27,540

## 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Tăng	± %
VES	2,100	2,200	100	4.76
PGD	35,700	37,400	1,700	4.76
SRF	23,200	24,300	1,100	4.74
HTV	13,000	13,600	600	4.62
NSC	39,200	41,000	1,800	4.59

## 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Tăng	± %
CVN	5,800	6,200	400	6.90
TPP	7,300	7,800	500	6.85
SD8	4,400	4,700	300	6.82
PJC	13,300	14,200	900	6.77
CMI	11,900	12,700	800	6.72

## 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Giảm	± %
VSG	1,800	1,700	-100	-5.56
MTG	4,000	3,800	-200	-5.00
VNA	4,000	3,800	-200	-5.00
VST	4,000	3,800	-200	-5.00
CTD	36,000	34,200	-1,800	-5.00

## 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Giảm	± %
LBE	10,000	9,300	-700	-7.00
DHT	28,600	26,600	-2,000	-6.99
DNC	8,600	8,000	-600	-6.98
VMC	20,100	18,700	-1,400	-6.97
V21	10,100	9,400	-700	-6.93

## 5 CP được NĐT nước ngoài mua/bán nhiều nhất

Mã	GT mua (triệu VNĐ)	Mã	GT bán (triệu VNĐ)
VES	0	VES	0
PGD	0	PGD	0
SRF	0	SRF	0
HTV	0	HTV	0
NSC	0	NSC	0

## 5 CP được NĐT nước ngoài mua/bán nhiều nhất

Mã	GT mua (triệu VNĐ)	Mã	GT bán (triệu VNĐ)
VND	3,377	BVS	1,616
PVX	960	PVS	1,572
HBB	940	AAA	1,028
PGS	854	VNR	871
VNR	541	KLS	832

# KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Báo cáo này được thực hiện bởi Ban Phân tích - Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí. Những thông tin trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy và đánh giá một cách thận trọng. Tuy nhiên, Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí không chịu bất kỳ trách nhiệm nào đối với tính chính xác, trung thực, đầy đủ của các thông tin được cung cấp cũng như những tổn thất có thể xảy ra khi sử dụng báo cáo này. Mọi thông tin, quan điểm trong báo cáo này có thể được thay đổi mà không cần báo trước. Báo cáo này được xuất bản với mục đích cung cấp thông tin và hoàn toàn không hàm ý khuyến cáo người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán.

Người đọc cần lưu ý: Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí có thể có những hoạt động hợp tác với các đối tượng được nêu trong báo cáo và có thể có xung đột lợi ích với các nhà đầu tư.

Báo cáo này thuộc bản quyền của Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí. Mọi hành vi in ấn, sao chép, sửa đổi nội dung mà không được sự cho phép của Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí đều được coi là sự vi phạm pháp luật.

## THÔNG TIN LIÊN HỆ

### Ban Phân tích

E -mail: [research@psi.vn](mailto:research@psi.vn)

Tel: (84-4) 3934 3888

## CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ



*Trụ sở chính:*

18 Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội - ĐT: (84-4) 39343888; Fax: (84-4) 39343999

*Chi nhánh Hải Phòng*

Số 5, Hồ Xuân Hương, quận Hồng Bàng, Hải Phòng - ĐT: (84-31) 351 5188; Fax: (84-38) 351 5199

*Chi nhánh TP.HCM:*

Số 24 – 26 Hồ Tùng Mậu, Quận I, TP.Hồ Chí Minh - ĐT (84-8) 3914 6789; Fax (84-8) 3914 6969

*Chi nhánh Vũng Tàu:*

Tầng 5, tòa nhà Silver Sea, số 47 Ba Cu, phường 1, TP.Vũng Tàu – ĐT: (84-64) 62545 20 - 22 - 23 -24 - 26; Fax: (84-64) 6254521

*Chi nhánh Đà Nẵng:*

Số 55-56 Đường Nguyễn Văn Linh, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng – ĐT: (84-0511) 3899338; Fax: (84-0511) 3899339